TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2024/HC-PT
Ngày: 04/6/2024
V/v. khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Thắng.

Các thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Cảnh Duy – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 678/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 9 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 18 ngày 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5732/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; Địa chỉ: P, Tòa S Khu đô thị S, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Trung V, sinh năm 1985; địa chỉ: P, Tòa S Khu đô thị S, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Vũ Anh T, thuộc Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

***Người bị kiện*:** Chủ tịch UBND thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Anh Q - Phó Chủ tịch UBND thành phố H. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm Văn T1 - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Đinh Chính Q1 - Phó Chủ tịch UBND huyện T. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Đức H1 - Trưởng phòng Phòng Quản lý, xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật, Sở Tư pháp. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng.

- UBND huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Chính Q1 - Phó Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn H là chủ sử dụng đất tại địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT497991 số vào sổ cấp GCN CH04313 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/11/2019.

Ngày 02/6/2021, UBND huyện T ra Quyết định số 2898/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện khu tái định cư thuộc dự án đầu tư xây dựng cải tạo đường 359 đoạn từ Thủy Triều đến đường trục giao thông đô thị và công nghiệp B, huyện T. Kèm theo quyết định này là phương án bồi thường số 25/PA-TCT đối với ông Nguyễn Văn H; theo đó ông H bị thu hồi đất và bồi thường bằng tiền, số tiền là: 45m^2 x 3.240.000 đồng = 145.800.000 đồng.

Ngày 02/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện T ra các quyết định:

Quyết định số 2887/QĐ ngày 02/06/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện Khu tái đinh cư thuộc Dự án cải tạo đường 359 đoạn từ xã T đến trục đường giao đô thị và khu công nghiệp B huyện T với nội dung: *"Điều 1. Thu hồi diện tích 45.0m^2 đất ở nông thôn của hộ ông (bà) Nguyễn Văn H, địa chỉ:Thôn Đ, xã H, để*

thực hiện Khu định cư thuộc Dự án cải tạo đường 359 đoạn từ xã T đến đường trục giao thông đô thị và Khu công nghiệp B huyện T. Tại vị trí: Thửa số 308B, Tờ bản đồ số 01 (thuộc thửa số 116B, Tờ bản đồ số 1 theo Mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần T3 lập ngày 16/10/2019, được Sở T thẩm định ngày 02/3/2020...”

Không đồng ý với Quyết định thu hồi và Phương án bồi thường nêu trên, ông Nguyễn Văn H đã khiếu nại đến UBND huyện T với yêu cầu hủy bỏ: Quyết định thu hồi đất số 2898/QĐ ngày 02/06/2021, Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND huyện T; hủy Phương án bồi thường số 25/PA-TCT và yêu cầu giao cho ông H 01 lô đất vào khu tái định cư của dự án.

Ngày 22/10/2021, UBND huyện T ra Quyết định khiếu nại số 7659/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 đối với ông Nguyễn Văn H (khiếu nại lần đầu). Theo đó UBND huyện T không đồng ý và bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện T, ông Nguyễn Văn H lại khiếu nại đến UBND thành phố H. Ngày 07/06/2022, UBND thành phố H ra Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 1662/QĐ-UBND đối với ông Nguyễn Văn H.

Tại các quyết định nêu trên, UBND thành phố đều nhận định: Tại thời điểm thu hồi không có nhà trên đất, không thực tế sinh sống trên thửa đất, không phải di chuyển chỗ ở khi bị nhà nước thu hồi đất, đã được nhà nước bồi thường về đất ở. Ủy ban nhân dân huyện T đã tính tiền bồi thường theo giá đất cụ thể đối với đất ở tại khu đất bị thu hồi là đúng theo quy định tại Điều 79, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013, Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 6 Quyết định 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 và Điều 1 Quyết định 308/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND thành phố H. Do không phải di chuyển chỗ ở tại thời điểm thu hồi đất nên ông H không được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013.

Nhận định của UBND huyện T, UBND thành phố H trái với quy định tại Điều 74, Khoản 1 Điều 79, Khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Mặt khác tại Điều 79 Luật Đất đai 2013 không hề có quy định nào về việc điều kiện được bồi thường về đất ở yêu cầu người sử dụng đất phải trực tiếp đang ở, đang sinh sống như UBND huyện T cũng như UBND thành phố H nhận định trong các quyết định giải quyết khiếu nại.

Căn cứ vào các quy định nêu trên, ông Nguyễn Văn H hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu của Luật Đất đai, Nghị định số 47 về việc được trả bồi thường bằng đất ở cùng mục đích sử dụng và có giá trị tương đương khi Nhà nước thu hồi đất. Việc UBND huyện T thu hồi đất của ông H nhưng không bồi thường bằng đất mà bồi thường bằng tiền là không đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1662/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc

giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Văn H và các quyết định, phương án bồi thường có liên quan.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H có quan điểm như sau:

Ông Nguyễn Văn H có đất ở bị thu hồi, tại thời điểm thu hồi không có nhà trên đất, thực tế không sinh sống trên đất, không phải di chuyển chỗ ở khi bị Nhà nước thu hồi đất. Ủy ban nhân dân huyện T đã tính toán bồi thường theo giá đất cụ thể đối với đất ở tại khu đất bị thu hồi là đúng quy định tại Điều 79, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013, Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 6 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Điều 1 Quyết định 308/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính toán bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho một số hộ dân tại xã H, huyện T. Do không phải di chuyển chỗ ở tại thời điểm thu hồi đất nên ông H không được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013. Nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn H về việc UBND huyện T khi thu hồi đất phải trả bằng đất có cùng mục đích sử dụng cho hộ ông Nguyễn Văn H là không có cơ sở, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định giải quyết quyết khiếu nại số 1662/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Văn H.

Đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện T có quan điểm:

UBND huyện T ban hành Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 về việc thu hồi đất và Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn H đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 1993. Theo Báo cáo của UBND xã H thì hộ ông Nguyễn Văn H có diện tích đất thu hồi là 45m^2 và trên đất không có công trình phục vụ ăn ở, sinh sống. Ngày 07/10/2021, tổ công tác kiểm tra, xác minh tại thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn H, kết quả ông H không ăn ở trên thửa đất bị thu hồi, trên đất không có nhà ở. Việc ông Nguyễn Văn H không ăn ở, sinh sống trên diện tích đất bị thu hồi, trên đất không có nhà ở nên không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất. UBND huyện T không xây dựng quỹ đất để bồi thường cho đất bị thu hồi có cùng mục đích sử dụng, UBND huyện T đã bồi thường bằng tiền là đúng quy định pháp luật. Trên đất của gia đình ông H có khu phụ của bố mẹ anh H (bà L, ông H2) xây dựng từ năm 2003 hiện trạng không có gì thay đổi, gồm có bếp + nhà vệ sinh nằm trên 2 thửa đất, lẽ ra trong quá trình tách thửa không chấp nhận công trình vật kiến trúc này nhưng tính có lợi cho dân khi thu hồi đã chấp nhận bồi thường nhà bếp và nhà vệ sinh; anh H và vợ con anh H không thực tế sinh sống, ăn ở ổn định trên

diện tích đất này, không phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất nên không đủ điều kiện để được giao tái định cư.

Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu bồi thường bằng đất và giao 01 suất tái định cư cho anh Nguyễn Văn H đồng thời giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND thành phố H, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND huyện T; giữ nguyên Quyết định số 2887/QĐ-UBND và Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND huyện T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện – ông Vũ Anh T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày như lời khai, yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án; ngoài ra còn bổ sung: Ông Nguyễn Văn H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bị thu hồi, trên đất có nhà phục vụ ăn ở sinh hoạt, có xác nhận của Chủ tịch xã về việc đang sử dụng đất, diện tích đất còn lại sau khi thu hồi đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận; tại địa bàn xã H, T, Hải Phòng không còn nơi ở nào khác nên đề nghị UBND huyện T bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng hoặc giao 01 suất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Đối với giá đất đã bồi thường 3.240.000 đồng/m^2 và trình tự thủ tục thu hồi đất đều không có ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 74, Điều 79, Điều 114 Luật Đất Đai 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc:

1. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 1662/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đối với ông Nguyễn Văn H và các quyết định, phương án bồi thường khác có liên quan;

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng bồi thường cho ông Nguyễn Văn H một diện tích đất có cùng mục đích sử dụng hoặc một suất tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H, đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp thống nhất giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 1662/QĐ-UBND ngày

07/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đối với ông Nguyễn Văn H và các quyết định, phương án bồi thường khác có liên quan và buộc Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng bồi thường cho ông Nguyễn Văn H một diện tích đất có cùng mục đích sử dụng hoặc một suất tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

- Về thẩm quyền, đối tượng khởi kiện và thời hiệu giải quyết vụ án:

Ngày 21/7/2022, Tòa án nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu hủy: Quyết định giải quyết khiếu nại số 1662/QĐ-UBND (khiếu nại lần hai) ngày 07/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính để thụ lý và giải quyết vụ án, xác định còn thời hiệu khởi kiện là đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, HĐXX thấy:

[2.1] Xét thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1662/QĐ-UBND (khiếu nại lần hai) ngày 07/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Căn cứ vào Điều 66 Luật Đất Đai 2013; khoản 2 Điều 21; Điều 27, 28, 29, 31, 32, 33, 34 36, 37, 38, 40, 41 Luật Khiếu nại thì UBND huyện T ra Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, Phương án bồi thường; Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 7659/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 (giải quyết khiếu nại lần đầu) đối với ông Nguyễn Văn H nên Chủ tịch UBND thành phố H ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 1662/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 (giải quyết khiếu nại lần hai) đối với ông Nguyễn Văn H là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

[2.2] Xét tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- *Về nguồn gốc, diện tích thửa đất*: Ông Nguyễn Văn H có thửa đất 308B, diện tích 72,5m^2 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT497991 ngày 08/11/2019. Mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn. Thửa đất 308B có nguồn gốc được tách bớt một phần diện tích từ thửa đất số 308 có diện tích 1.745m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 919403 ngày 25/4/2011 mang tên ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị L1 (là bố mẹ đẻ ông Nguyễn Văn H). Ông H3 và bà L1 tặng cho con trai là ông Nguyễn Văn H diện tích đất 72,5m^2 theo đúng quy định pháp luật.

- *Về quá trình ăn ở sinh hoạt tại thửa đất số 308B, diện tích 72,5m^2 đất tại thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng của ông Nguyễn Văn H:* Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ (Báo cáo số 345 ngày 27/9/2020 của UBND xã H), căn cứ lời khai của người đại diện theo ủy quyền của ông H tại phiên tòa thể hiện*:* Ông H không ăn ở, sinh hoạt trực tiếp, thường xuyên trên diện tích đất 72,5m^2 tại xã H, T, Hải Phòng đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT497991 ngày 08/11/2019 mà ông H và gia đình ông H sinh sống trực tiếp, ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại phường M, quận B, Hà Nội. Tại Đơn xin xác nhận tình trạng sử dụng đất, ông H thừa nhận "Do công việc và sinh hoạt gia đình nên tôi phải chuyển khẩu nên Hà Nội để thuận tiện cho công việc và học hành của con cái…Do đây là tài sản thừa kế cha ông để lại nên tôi có kế hoạch về quê sinh sống và phụng dưỡng bố mẹ trong thời gian sớm nhất".

- *Hiện trạng các tài sản, vật kiến trúc trên đất tại thửa đất số 308B, diện tích 72,5m^2 của ông Nguyễn Văn H:* Tại Biên bản kiểm kê tài sản thể hiện tài sản trên diện tích đất của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Quỳnh T2 có công trình xây dựng trên đất gồm: Nhà có khu phụ với móng bê tông cốt thép, nền gạch men 30x30, sơn không bả trong và ngoài nhà cao 3,6m. Ngoài ra, trên đất còn có bờ bao sân xây gạch, sân lát gạch đỏ, sân bê tông cốt thép, mái tôn mạ màu sườn sắt, kèo sắt; 01 bể lọc xây gạch chỉ, nắp bê tông cốt thép (hiện trạng là lối đi xuống

khu bếp, nhà vệ sinh của ông H3 – bố ông H), có một số cây cau, cây ăn quả và đoạn tường bao cũ. Công trình nêu trên là do ông H3 xây từ năm 2003 để sử dụng, sau này cho đất ông H thì những công trình này nằm trên hai thửa đất của ông H và bà T2, hiện trạng không có gì thay đổi kể từ khi ông H3 xây dựng. Đơn giá các tài sản, vật kiến trúc trên đất có tổng giá trị được bồi thường là 339.708.569 đồng. Về bồi thường các tài sản, vật kiến trúc trên đất: ông H thừa nhận, không có ý kiến gì. Xét việc bồi thường vật kiến trúc trên đất có lợi cho người khởi kiện và người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã không xem xét là phù hợp.

- Đối với bồi thường về đất ở đã thu hồi là 45m^2 x 3.240.000 đồng = 145.800.000 đồng. Ông H không đồng ý bồi thường khi thu hồi diện tích đất 45m^2 với số tiền bồi thường 145.800.000 đồng, ông yêu cầu UBND huyện T phải bồi thường bằng đất cùng mục đích sử dụng và có giá trị tương đương đối với diện tích đất đã thu hồi của ông. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất: "Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất".

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai quy định Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở: "1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài *đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam* mà có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường như sau: a,Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc Nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền; b, Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong đia bàn xã, phường thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. *Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét bồi thường bằng đất ở.* 2, Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất.... 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này".

Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây: " *4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá*

bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định".

Điều 114 Luật Đất đai 2013 quy định về Bảng giá đất và giá đất cụ thể; căn cứ vào Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng cải tạo đường 359 đoạn từ xã T đến đường trục giao thông Khu đô thị V, huyện T; căn cứ vào Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 07/9/2021 của UBND huyện T về việc xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền sử dụng đất khi giao đất vào Khu tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng cải tạo đường 359 đoạn từ xã T đến đường trục giao thông Khu đô thị và Khu công nghiệp B, huyện T thì giá đất bồi thường đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Căn cứ vào các quy định pháp luật nêu trên thấy diện tích đất của ông Nguyễn Văn H đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông H không trực tiếp ăn ở sinh hoạt trên đất, không phải di chuyển chỗ ở nên không được "*Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất".* Ông H đã được bồi thường 100% diện tích đất thu hồi, UBND huyện T tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cụ thể số tiền bồi thường là: 45m^2 x3.240.000 đồng = 145.800.000 đồng. Phần diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 27,5m^2, gia đình ông H vẫn đang quản lý, sử dụng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 1662/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND thành phố H đối với ông Nguyễn Văn H và các quyết định hành chính khác có liên quan đã đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H khi thu hồi 45m^2 đất tại thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo là ông Nguyễn Văn H không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H; Giữ nguyên

Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp tại Biên lai thu số 0000098 ngày 04/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, phòng HCTP.TACCHN.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Anh Thắng